

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ TIỀN GIANG

Khu phố Trung Lương, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Xí nghiệp Bao bì Lương thực Tiền Giang thuộc Công ty Lương Thực Tiền Giang – Tổng Công ty Lương thực Miền Nam theo Quyết định số 4439/QĐ/BNN-TCCB ngày 09/12/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200568151 ngày 01/04/2005 và đăng ký thay đổi các lần và thay đổi lần thứ sáu ngày 22/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: TIEN GIANG PACKAGING JOINTSTOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: TIGIPACK.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 22/12/2021 là 11.900.000.000 VND (*Bằng chữ: Mười một tỷ chín trăm triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UPCOM với mã BTG.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Khu phố Trung Lương, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Thành Công	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm từ ngày 24/06/2022)
Ông Lê Thanh Kiêm	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm từ ngày 24/06/2022)
Ông Trần Phương Thảo	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 24/06/2022)
Ông Phạm Anh Vũ	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 24/06/2022)
Ông Đoàn Thanh Phong	Thành viên
Ông Trương Văn Hứa	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tấn Hưng	Thành viên
Ông Lâm Anh Tuấn	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Văn Tường	Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Nhân	Phó Giám đốc

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Trần Văn Tường

Giám đốc

Tiền Giang, ngày 04 tháng 03 năm 2023

*Số: 71/2023/BCKT-CPA VIETNAM-HCM***BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc****Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang, được lập ngày 04/03/2023 từ trang 06 đến trang 27, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập khác, kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán của Công ty vào ngày 01/03/2022 có dạng ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Thị Mai Hoa**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 06/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2023

Vũ Xuân Hùng**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4015-2022-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		17.513.967.464	18.143.672.179
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.640.436.035	4.864.644.481
1. Tiền	111		1.140.436.035	764.644.481
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.500.000.000	4.100.000.000
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	-	500.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	-	500.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.579.761.789	5.402.780.659
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	5.601.014.594	5.486.709.569
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	906.138.000	911.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	19.449.315	20.550.410
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(946.840.120)	(1.015.479.320)
IV- Hàng tồn kho	140	5.7	8.265.106.390	7.376.247.039
1. Hàng tồn kho	141		8.265.106.390	7.376.247.039
V- Tài sản ngắn hạn khác	150	5.8	28.663.250	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	28.663.250	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210)	200		1.098.494.663	1.373.341.703
II Tài sản cố định	220	5.9	1.098.494.663	1.373.341.703
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	1.098.494.663	1.373.341.703
- Nguyên giá	222		28.254.608.921	28.254.608.921
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.156.114.258)	(26.881.267.218)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		18.612.462.127	19.517.013.882

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		499.926.943	1.423.958.537
I- Nợ ngắn hạn	310		499.926.943	1.423.958.537
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	383.339.910	1.032.089.324
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	65.962.000	63.562.000
3. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	11.293.213	107.934.246
4. Phải trả người lao động	314		645.106	216.558.503
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		36.414.900	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	1.670.443	2.213.093
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		601.371	1.601.371
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		18.112.535.184	18.093.055.345
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.14	18.112.535.184	18.093.055.345
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		11.900.000.000	11.900.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		11.900.000.000	11.900.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.772.917.414	7.772.917.414
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.553.704.999	1.553.704.999
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.114.087.229)	(3.133.567.068)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.133.567.068)	(1.821.606.018)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		19.479.839	(1.311.961.050)
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		18.612.462.127	19.517.013.882

Tiền Giang, ngày 04 tháng 03 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trương Nhã Trúc



Lê Thị Thanh Hằng



Trần Văn Tường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	21.048.870.933	19.860.409.177
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		21.048.870.933	19.860.409.177
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	18.337.265.379	17.965.745.450
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		2.711.605.554	1.894.663.727
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	133.791.490	144.093.673
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.4	326.381.027	348.234.814
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	2.447.945.454	2.338.669.527
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		71.070.563	(648.146.941)
11. Thu nhập khác	31	6.5	30.009.276	17.085
12. Chi phí khác	32	6.5	81.600.000	663.831.194
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.5	(51.590.724)	(663.814.109)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		19.479.839	(1.311.961.050)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60	6.7	19.479.839	(1.311.961.050)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	16	(1.102)

Tiền Giang, ngày 04 tháng 3 năm 2023

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trương Nhã Trúc

Lê Thị Thanh Hằng

Trần Văn Tường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		25.128.845.940	17.991.803.928
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(18.804.996.321)	(12.938.343.012)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(5.886.935.144)	(5.286.034.767)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		30.009.276	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(2.326.024.782)	(1.229.641.007)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<i>(1.859.101.031)</i>	<i>(1.462.214.858)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		500.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		134.892.585	146.170.660
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<i>634.892.585</i>	<i>(353.829.340)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50		<i>(1.224.208.446)</i>	<i>(1.816.044.198)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	60		<i>4.864.644.481</i>	<i>6.680.688.679</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	61		-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	70	5.1	<i>3.640.436.035</i>	<i>4.864.644.481</i>

Người lập



Trương Nhã Trúc

Kế toán trưởng



Lê Thị Thanh Hằng

Tiền Giang, ngày 04 tháng 3 năm 2023

Giám đốc



Trần Văn Tường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang được chuyển đổi từ Xí nghiệp Bao bì Lương thực Tiền Giang thuộc Công ty Lương Thực Tiền Giang - Tổng Công ty Lương thực Miền Nam theo Quyết định số 4439/QĐ/BNN-TCCB ngày 09/12/2004 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1200568151 ngày 01/04/2005 và đăng ký thay đổi các lần và thay đổi lần thứ sáu ngày 22/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.

Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: TIEN GIANG PACKAGING JOINTSTOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: TIGIPACK.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 22/12/2021 là 11.900.000.000 VND (*Bằng chữ: Mười một tỷ chín trăm triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UPCOM với mã BTG.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Khu phố Trung Lương, Phường 10, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 65 người (tại ngày 01/01/2022 là 65 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lĩnh vực hoạt động gồm:

- + Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu bao bì các loại.
- + Nhập khẩu nguyên liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng.
- + Chuyển giao công nghệ thuộc ngành bao bì.
- + Kinh doanh lương thực.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là sản xuất và kinh doanh Bao bì.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ: Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (Tiếp theo)

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục được phân loại là tài sản, áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào Tài khoản số 413 - Chênh lệch tỷ giá, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 30
Máy móc và thiết bị	10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm bao bì.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bao bì và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	555.085.000	140.019.000
Tiền gửi ngân hàng	585.351.035	624.625.481
Các khoản tương đương tiền	2.500.000.000	4.100.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	2.500.000.000	4.100.000.000
Tổng	3.640.436.035	4.864.644.481

(i) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang. Lãi suất từ 4,8%/năm đến 5,6%/năm.

5.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang (i)	-	-	500.000.000	-
Tổng	-	-	500.000.000	-

(i) Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 500.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang với lãi suất 3,67%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	5.601.014.594	5.486.709.569
Công ty TNHH Thương mại Tiến Hưng	-	308.394.400
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau	640.000.000	640.000.000
Công ty TNHH MTV Thực Phẩm Vĩnh Phước	-	119.900.000
Công ty Lương thực Tiền Giang	3.478.327.964	1.073.532.682
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	-	1.331.598.400
Công ty TNHH Đa Năng	-	499.592.500
Công ty Bột mì Bình Đông	353.667.600	192.959.800
Phải thu các đối tượng khác	1.129.019.030	1.320.731.787
Tổng	5.601.014.594	5.486.709.569
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	4.624.865.525	1.963.912.482

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quốc tế Trường Sinh	900.000.000	900.000.000
Các đối tượng khác	6.138.000	11.000.000
Tổng	906.138.000	911.000.000

5.5 Các khoản phải thu khác

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	19.449.315	-	20.550.410	-
- Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	15.000.000	-
- Lãi dự thu	4.449.315	-	5.550.410	-
Tổng	19.449.315	-	20.550.410	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.6 Nợ xấu

	31/12/2022 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	958.200.920	11.360.800	1.095.479.320	80.000.000
+ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực Phẩm Cà Mau	640.000.000	-	640.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Dabaco Tiền Giang	62.526.820	-	62.526.820	-
+ Doanh nghiệp tư nhân Thiên Thanh	232.952.500	-	232.952.500	-
Công ty Lương thực và Bao bì Đồng Tháp	22.721.600	11.360.800	-	-
Công ty TNHH Thương mại Tiến Hưng	-	-	160.000.000	80.000.000
Các đối tượng khác		-	-	
	Quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm VND	Quá hạn từ trên 1 năm đến dưới 2 năm VND	Quá hạn từ trên 2 năm đến dưới 3 năm VND	Quá hạn trên 3 năm VND
<i>Trong đó:</i>				
Công ty Lương thực và Bao bì Đồng Tháp	-	-	22.721.600	-
+ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực Phẩm Cà Mau	-	-	-	640.000.000
+ Công ty Cổ phần Dabaco Tiền Giang	-	-	-	62.526.820
+ Doanh nghiệp tư nhân Thiên Thanh	-	-	-	232.952.500
Tổng	-	-	22.721.600	935.479.320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.113.100.280	-	1.881.936.357	-
Công cụ, dụng cụ	104.698.340	-	110.998.916	-
Chi phí SX KDDD	2.112.287.934	-	2.975.257.095	-
Thành phẩm	3.934.155.836	-	2.407.190.671	-
Tổng	8.265.106.390	-	7.376.247.039	-

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	28.663.250	-
Chi phí bảo hiểm	24.288.000	-
Các khoản khác	4.375.250	-
Tổng	28.663.250	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
<i>Đơn vị tính: VND</i>						
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2022	5.119.533.862	21.637.084.701	1.247.841.868	44.732.728	205.415.762	28.254.608.921
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	5.119.533.862	21.637.084.701	1.247.841.868	44.732.728	205.415.762	28.254.608.921
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2022	4.957.794.822	20.761.331.768	915.304.307	44.732.728	202.103.593	26.881.267.218
Tăng trong năm	28.862.988	159.936.300	84.037.164	-	2.010.588	274.847.040
Khấu hao trong năm	28.862.988	159.936.300	84.037.164	-	2.010.588	274.847.040
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2022	4.986.657.810	20.921.268.068	999.341.471	44.732.728	204.114.181	27.156.114.258
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày ngày 01/01/2022	161.739.040	875.752.933	332.537.561	-	3.312.169	1.373.341.703
Tại ngày ngày 31/12/2022	132.876.052	715.816.633	248.500.397	-	1.301.581	1.098.494.663

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 25.430.916.483 VND (tại ngày 01/01/2022 là 25.334.985.747 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Bao bì Tấn Phong	-	-	654.999.999	654.999.999
Công ty TNHH TM DV Hồng Sinh	-	-	155.871.375	155.871.375
Công ty CP SX TM Tân Việt Sinh	74.308.850	74.308.850	69.667.950	69.667.950
Công ty Lương thực Trà Vinh	78.781.140	78.781.140	-	-
Công ty TNHH MTV Nhựa Châu Âu Nghệ An	112.000.000	112.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Giang Tường Nguyên	94.248.000	94.248.000	-	-
Các đối tượng khác	24.001.920	24.001.920	151.550.000	151.550.000
Tổng	383.339.910	383.339.910	1.032.089.324	1.032.089.324

5.11 Người mua trả tiền trước

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty TNHH Phước Nam Anh	23.562.000	23.562.000
Công ty TNHH Tân Việt Quốc	40.000.000	40.000.000
Các đối tượng khác	2.400.000	-
Tổng	65.962.000	63.562.000

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2022
Phải nộp	107.934.246	458.036.806	554.677.839	11.293.213
Thuế GTGT	93.028.846	278.033.281	361.448.914	9.613.213
Thuế thu nhập cá nhân	14.905.400	21.463.400	34.688.800	1.680.000
Thuế tài nguyên	-	637.440	637.440	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	154.902.685	154.902.685	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-

5.13 Phải trả khác

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.670.443	2.213.093
Tổng	1.670.443	2.213.093

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)-
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.14 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2021	11.900.000.000	7.772.917.414	1.553.704.999	(1.821.606.018)	19.405.016.395
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(1.311.961.050)	(1.311.961.050)
Số dư tại ngày 31/12/2021	11.900.000.000	7.772.917.414	1.553.704.999	(3.133.567.068)	18.093.055.345
Số dư tại ngày 01/01/2022	11.900.000.000	7.772.917.414	1.553.704.999	(3.133.567.068)	18.093.055.345
Lãi trong năm nay	-	-	-	19.479.839	19.479.839
Số dư tại ngày 31/12/2022	11.900.000.000	7.772.917.414	1.553.704.999	(3.114.087.229)	18.112.535.184

b. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2022			Tại ngày 01/01/2022		
	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - CTCP	60,00%	714.000	7.140.000.000	60,00%	714.000	7.140.000.000
Vốn cổ đông khác	40,00%	476.000	4.760.000.000	40,00%	476.000	4.760.000.000
Tổng	100%	1.190.000	11.900.000.000	100%	1.190.000	11.900.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn góp tại ngày 01/01	11.900.000.000	11.900.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31/12	11.900.000.000	11.900.000.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.190.000	1.190.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ	1.190.000	1.190.000
Cổ phiếu phổ thông	1.190.000	1.190.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.190.000	1.190.000
Cổ phiếu phổ thông	1.190.000	1.190.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.772.917.414	7.772.917.414
Quỹ khác vốn chủ sở hữu	1.553.704.999	1.553.704.999
Tổng	9.326.622.413	9.326.622.413

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.15 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán và Cam kết thuê hoạt động

Ngoại tệ các loại	31/12/2022	01/01/2022
Đô la Mỹ (USD)	932	932
Tương đương VND		
Đô la Mỹ (USD)	21.536.879	21.536.879

Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký hợp đồng thuê đất số 688/HĐTĐ ngày 28/4/2005 với UBND tỉnh Tiền Giang, vị trí tại khu phố 1, phường 10, tỉnh Tiền Giang. Thời gian thuê từ ngày 01/01/1996 đến ngày 01/01/2046. Mục đích thuê: để sử dụng làm văn phòng và nhà xưởng. Diện tích khu đất thuê là 12.461,2 m². Theo hợp đồng này Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	21.021.538.482	19.860.409.177
Doanh thu bán phế liệu	27.332.451	-
Tổng	21.048.870.933	19.860.409.177
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu với các bên liên quan</i>	<i>7.997.397.666</i>	<i>6.086.146.542</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>		

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn bán hàng hóa và thành phẩm	18.305.027.379	17.965.745.450
Giá vốn bán phế liệu	32.238.000	-
Tổng	18.337.265.379	17.965.745.450

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi	133.791.490	144.093.673
Tổng	133.791.490	144.093.673

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.4 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí bán hàng	326.381.027	348.234.814
Chi phí vật liệu, bao bì	305.172	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	281.397.508	322.198.182
Chi phí bằng tiền khác	44.678.347	26.036.632
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.447.945.454	2.338.669.527
Chi phí nhân viên quản lý	1.517.198.088	1.475.561.642
Chi phí vật liệu quản lý	65.643.459	36.226.457
Chi phí khấu hao TSCĐ	89.274.588	89.274.588
Thuế phí và lệ phí	178.042.918	36.713.996
Chi phí dự phòng	49.710.800	80.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	302.825.097	236.261.877
Chi phí bằng tiền khác	245.250.504	384.630.967
Tổng	2.774.326.481	2.686.904.341

6.5 Lợi nhuận khác

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập khác		
Thu phạt hủy hợp đồng	30.000.000	-
Các khoản khác	9.276	17.085
Tổng	30.009.276	17.085
Chi phí khác		
Chi phí ngưng SXKD	-	591.831.194
Chi phí thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	81.600.000	72.000.000
Tổng	81.600.000	663.831.194
Lợi nhuận khác	(51.590.724)	(663.814.109)

6.6 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.234.004.392	11.023.216.853
Chi phí nhân công	6.629.995.497	6.174.874.255
Chi phí khấu hao tài sản cố định	274.847.040	286.944.959
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.918.995.839	1.500.347.455
Chi phí khác bằng tiền	339.639.651	410.667.599
Tổng	22.397.482.419	19.396.051.121

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	19.479.839	(1.311.961.050)
Các khoản điều chỉnh tăng:	81.600.000	72.000.000
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>81.600.000</i>	<i>72.000.000</i>
Các khoản điều chỉnh giảm:	-	-
Thu nhập chịu thuế	101.079.839	(1.239.961.050)
<i>Lỗ được kết chuyển</i>	<i>(101.079.839)</i>	<i>-</i>
Thu nhập tính thuế TNDN	-	-
Thuế suất thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Tổng	-	-

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.479.839	(1.311.961.050)
Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (i)	19.479.839	(1.311.961.050)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	1.190.000	1.190.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (i)	16	(1.102)

(i) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2022 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Lương thực Tiền Giang	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Lương thực Trà Vinh	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Lương thực Bến Tre	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Bột mì Bình Đông	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Lương thực Long An	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định	Công ty con của Công ty mẹ

Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này Thành viên lãnh đạo chủ chốt

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Người quản lý khác.

Lương, thưởng, thù lao Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Lê Thanh Kiêm	Nguyên Chủ tịch HĐQT	18.000.000	24.000.000
Ông Mai Thành Công	Chủ tịch HĐQT	6.000.000	-
Ông Võ Thanh Tòng	Nguyên Thành viên HĐQT	-	9.600.000
Ông Trần Phương Thảo	Thành viên HĐQT	64.700.000	-
Ông Phạm Anh Vũ	Nguyên Thành viên HĐQT	14.400.000	4.800.000
Ông Đoàn Thanh Phong	Thành viên HĐQT	148.413.600	19.200.000
Ông Trương Văn Hứa	Thành viên HĐQT	19.200.000	19.200.000

Lương, thưởng, thù lao Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương	Trưởng ban Ban Kiểm soát	119.604.000	96.180.154
Ông Nguyễn Tấn Hưng	Thành viên	12.000.000	12.000.000
Ông Lâm Anh Tuấn	Thành viên	12.000.000	12.000.000

Thu nhập Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Ông Trần Văn Tường	Giám đốc	210.166.600	164.158.708
Ông Nguyễn Hồng Nhân	Phó Giám đốc (Người công bố thông tin)	142.733.467	100.670.385

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập của Người quản lý khác.

Họ và tên	Chức danh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Bà Lê Thị Thanh Hằng	Q.TPNVTH (Phụ Trách kế toán)	107.100.000	93.726.154
Bà Trương Nhã Trúc	Kế toán tổng hợp - Thư ký HĐQT	105.362.308	100.948.462

a. Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<u>Bán hàng</u>			7.997.397.666	6.086.146.542
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Bán thành phẩm	1.594.922.250	38.716.860
Công ty Lương thực Tiền Giang	Công ty con của Công ty mẹ	Bán thành phẩm	2.009.668.356	1.188.084.482
Công ty Lương thực Trà Vinh	Công ty con của Công ty mẹ	Bán thành phẩm	11.192.550	1.139.171.200
Công ty Lương thực Bến Tre	Công ty con của Công ty mẹ	Bán thành phẩm	138.792.500	52.200.000
Công ty Bột mì Bình Đông	Công ty con của Công ty mẹ	Bán thành phẩm	1.401.783.000	1.825.114.000
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định	Công ty con của Công ty mẹ	Bán thành phẩm	141.546.260	-
Công ty Lương thực Long An	Công ty con của Công ty mẹ	Bán thành phẩm	78.283.750	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang	Công ty con của Công ty mẹ	Bán thành phẩm	2.621.209.000	1.842.860.000

b. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất số dư công nợ	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>			4.624.865.525	1.963.912.482
Công ty Lương thực Tiền Giang	Công ty con của Công ty mẹ	Phải thu tiền bán hàng	3.478.327.964	1.073.532.682
Công ty Bột mì Bình Đông	Công ty con của Công ty mẹ	Phải thu tiền bán hàng	353.667.600	192.959.800
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau	Công ty con của Công ty mẹ	Phải thu tiền bán hàng	640.000.000	640.000.000
Công ty Lương thực Bến Tre	Công ty con của Công ty mẹ	Phải thu tiền bán hàng	-	57.420.000
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định	Công ty con của Công ty mẹ	Phải thu tiền bán hàng	152.869.961	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Người lập



Trương Nhã Trúc

Kế toán trưởng



Lê Thị Thanh Hằng

Tiền Giang, ngày 04 tháng 03 năm 2023

Giám đốc



Trần Văn Tường



Starting our operation from 2004 up to now, CPA VIETNAM is always proud to be one of the independent auditing companies with a reputable brand name trusted by many customers in the field of auditing and accounting in Vietnam. Our the goal is that through the professional provision of specialized services, we will help our customers to innovate their internal management system and promote their potentials to create outstanding values. That is the greatest success for our the sustainable and prosperous development. CPA VIETNAM will continue to maintain our brand name in the future.

www.cpavietnam.vn



Building a world class accounting alliance takes time - since 1989, INPACT has grown steadily and has carefully selected each and every member firm. All of our members pass through a rigorous selection process that ensures stringent criteria related to range of services, local reputation and approach to providing services can be met. We only admit firms which can prove they know their local jurisdiction like the back of their hand and which have experience of handling matters that have international dimensions. Our members embrace a service culture that emphasises personal service, rapid response times, reliability and innovative thinking.

www.inpactglobal.org